

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v: "Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25-5-2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thuý K**, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ : ấp Tân Bình, xã Giục Tương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Hồ Văn B**, sinh năm 1988

Địa chỉ : ấp T, xã G, huyện Ch, tỉnh K.

(Anh Hồ Văn B đã được tổng đạt hợp lệ thức 2 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 26-01-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý K trình bày:* Vào năm 2011 chị và anh Hồ Văn B

thành lập gia đình với nhau trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó giữa vợ chồng anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cự cãi do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ đó vợ chồng sống không còn tình cảm và hạnh phúc.

Nay chị K xét thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn, không thể hàn gắn lại được nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Văn B.

Trong thời gian chung sống chị và anh B có 02 con chung: Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị Thúy K có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin đ- ợc ly hôn với anh Hồ Văn B

- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai của đương sự ngày 07-3-2023 (bút lục số: 18,19) và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hồ Văn B trình bày: Vào năm 2011 anh và chị Nguyễn Thị Thúy K thành lập gia đình với nhau, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện Ch, tỉnh K.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày và từ trước đến nay vợ chồng vẫn chung sống bình thường. Đến tháng 09 năm 2020 anh đi ghe biển bị Malaysia bắt hơn 01 năm đến tháng 12 năm 2021 được về Việt Nam thì vợ yêu cầu xin ly hôn cho rằng thời gian qua luôn bị áp lực với gia đình nhưng anh không đồng ý, sau đó thì vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến tháng 6 năm 2022 anh đi làm công ty ở thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 12 năm 2022 thì vợ anh điện thoại kêu về ký đơn ly hôn, anh về nhà ăn tết xong và tiếp tục đi làm.

Qua thời gian chung sống anh và chị K có với nhau 02 con chung: Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 07-3-2023 (bút lục số: 27,28,29,30) anh Hồ Văn B có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thúy K, vì vẫn còn thương vợ con.

- Về con chung : Đồng ý giao 02 con Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26-01-2023 chị Nguyễn Thị Thúy K có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hồ Văn B. Đây là vụ án “Tranh chấp xin ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ch, tỉnh K.

Tòa án nhân dân huyện Châu Th đã triệu tập hợp lệ anh Hồ Văn B đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh B vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hồ Văn B là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy K và anh Hồ Văn B thành lập gia đình với nhau vào năm 2011 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật – Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị K trình bày nguyên nhân là do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ đó vợ chồng sống không còn tình cảm và hạnh phúc. Nay chị K

xét thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn, không thể hàn gắn lại được nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Còn anh B thì cho rằng: Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Đến tháng 09 năm 2020 anh đi ghe biển bị Malaysia bắt hơn 01 năm đến tháng 12 năm 2021 được về Việt Nam thì vợ yêu cầu xin ly hôn cho rằng thời gian qua luôn bị áp lực với gia đình nhưng anh không đồng ý, sau đó thì vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Tháng 6 năm 2022 anh đi làm công ty ở thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 12 năm 2022 thì vợ điện thoại kêu về ký đơn ly hôn, anh về nhà ăn tết xong và tiếp tục đi làm. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì vẫn còn thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị K và anh B đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B để ổn định cuộc sống. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa Th khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*.

Mặt khác, tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà, Tòa án đã kiên trì hoà giải nhằm động viên anh, chị hàn gắn đoàn tụ nhưng không kết quả, chị K xác định hiện nay không còn tình cảm với anh B và vẫn cương quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị K và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị K xin ly hôn anh B là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B xác nhận có 02 con chung Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014. Trong quá trình giải quyết vụ án chị K và anh B thống nhất thỏa thuận giao 02 con Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các cháu Hồ Ngọc M và Hồ Ngọc Th cũng có nguyện vọng được sống với chị K theo biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 07-3-2023. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận giữa chị K và anh B phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của các con nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị K về quyền yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi các con cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng chị K xác định không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và việc chị K không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B xác nhận tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Thuý K là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B giao 02 con Hồ Ngọc M, sinh ngày 05-02-2013 và Hồ Ngọc Th, sinh 23-7-2014 cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyện vọng của các con), chị K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi các con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hồ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B xác nhận tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thuý K và anh Hồ Văn B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thuý K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị K được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005304, ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị K không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành Pán được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thuý K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Văn B vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thuý Hằng